

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế đào tạo chính quy trình độ cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CAO THẮNG

Căn cứ quyết định số 119/QĐ-TCCB ngày 17 tháng 11 năm 2005 của Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương) quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng;

Căn cứ Quyết định 2255/QĐ-BCT ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền về tổ chức, biên chế, quản lý cán bộ công chức, viên chức đối với... Các Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ;

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 01. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo chính quy trình độ cao đẳng của trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng.

Điều 02. Các Ông/Bà Trưởng, Phó các Phòng, Khoa, Giảng viên và Sinh viên của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 03. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như điều 02;
- Lưu VT, ĐT.

QUY CHẾ
ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1165/QĐ-CDKTCT-ĐT ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng)

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tiết học, đơn vị học trình, học phần

1. Tiết học: Thời lượng mỗi tiết học lý thuyết, thực hành, thí nghiệm được tính bằng 45 phút; học tập theo hình thức tham quan, thực tập tại doanh nghiệp thời lượng tính theo giờ.

2. Đơn vị học trình (ĐVHT): Một ĐVHT có khối lượng giảng dạy và học tập được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; bằng 30 đến 45 tiết thực hành, thí nghiệm hay thảo luận; bằng 45 đến 90 giờ thực tập tại cơ sở; bằng 45 đến 60 giờ làm tiểu luận, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Để hoàn tất khối lượng học tập một ĐVHT, dù là học phần lý thuyết, thực hành hay thí nghiệm, cá nhân sinh viên phải dành ít nhất 15 giờ nghiên cứu, tự chuẩn bị.

3. Học phần (HP): Là khối lượng học tập lý thuyết hoặc thực hành, có từ 1 đến 7 ĐVHT, được bố trí trọn vẹn trong một học kỳ. Một môn học có thể có từ 1 đến 3 học phần. Có hai loại học phần:

a. Học phần bắt buộc: là những học phần có nội dung kiến thức nòng cốt, quan trọng bắt buộc sinh viên phải học đủ, đúng danh mục học phần chương trình quy định.

b. Học phần tự chọn: là những học phần sinh viên có thể chọn đăng ký học trong danh mục học phần tự chọn của chương trình học.

Chương II. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 2. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Khóa học trình độ cao đẳng chính quy có thời lượng 3 năm và không kéo dài quá 4.5 năm (riêng ngành, nghề Kế toán doanh nghiệp và Hàn có thời lượng là 2.5 năm và kéo dài không quá 4 năm) đối với người tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

2. Trường hợp được kéo dài thời gian khóa học: Hiệu trưởng xem xét, quyết định kéo dài thêm thời gian tối đa đối với người học thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Người học được điều động thực hiện nghĩa vụ An ninh - Quốc phòng.

b. Người học phải dừng học trong thời gian dài để trị bệnh có giấy xác nhận của cơ sở y tế nơi khám, điều trị hoặc có giấy chứng nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật.

c. Người học bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý ở mức độ bị buộc thôi học.

3. Học kỳ chính: Một năm học có 2 học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 2 tuần thi, kiểm tra.

4. Học kỳ phụ: Trường tổ chức thêm học kỳ phụ trong năm học để sinh viên có cơ hội trả nợ các học phần có điểm tổng kết học phần (ĐHP) không đạt yêu cầu (ĐHP < 5.0) song song hai học kỳ chính. Học kỳ phụ có các hình thức sau: học ghép (cùng khóa sau), học kỳ phụ hè (học tập trung trong thời gian hè) và học kỳ phụ thứ 7, chủ nhật (học vào các ngày thứ 7, chủ nhật - xem văn bản Quy định Học kỳ phụ tại website của trường <http://daotao.caothang.edu.vn/>).

Điều 3. Điều kiện học tiếp, ngừng học, nghỉ học tạm thời, buộc thôi học

1. Điều kiện được học năm tiếp theo

a. Điểm trung bình chung học tập của năm vừa kết thúc ≥ 5.0 .

b. Tổng số ĐVHT của các học phần có ĐHP < 5.0 tính từ đầu khóa học không quá 25 đơn vị học trình.

2. Điều kiện ngừng học do học lực, và việc đăng ký học tiếp sau thời gian ngừng học.

a. Sinh viên phải ngừng học khi không đạt một trong hai điều kiện học tiếp (1.a, 1.b) nói trên. Sinh viên diện ngừng học phải ngừng học một năm để học trả nợ những học phần có điểm tổng kết < 5.0, kể cả các học phần sinh viên tự tích lũy chưa đạt điểm yêu cầu như Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Vẽ điện tử ... Sinh viên diện ngừng học vì học lực phải lưu ý những vấn đề sau:

- Thời gian ngừng học được cộng dồn vào thời gian hoàn thành khóa học. Sinh viên sẽ bị buộc thôi học khi hết khung thời gian tối đa để hoàn thành chương trình theo thời gian quy định.

- Trong trường hợp chương trình học cùng ngành, nghề của khóa sau không có học phần sinh viên đang nợ, sinh viên có thể trả nợ bằng một học phần khác trong danh sách học phần tương đương. Sinh viên liên hệ Bộ môn phụ trách học phần bị nợ để biết học phần tương đương.

- Để có thể đăng ký học trả nợ thành công, sinh viên phải theo dõi Lịch đào tạo năm học, các thông báo về học ghép, học kỳ phụ của phòng Đào tạo, Khoa, Bộ môn, và làm đúng quy trình, thủ tục, thời hạn đăng ký.

b. Đăng ký để được xét học tiếp cùng khóa sau: Sau một năm ngừng học vì học lực, sinh viên phải đến Phòng Đào tạo đăng ký để được xét điều kiện học tiếp, chậm nhất 02 tuần trước khi Nhà trường xét điều kiện học tiếp của khóa sau (Lịch đào tạo năm học của trường có chỉ rõ thời gian xét điều kiện học tiếp của các khóa).

3. Trường hợp bị buộc thôi học: Sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Điểm trung bình chung của năm học (vừa kết thúc) < 3.50
- b. Điểm trung bình chung của hai năm học < 4.00
- c. Điểm trung bình chung của ba năm học < 4.50
- d. Đã hết khung thời gian tối đa để hoàn thành chương trình theo quy định
- e. Vi phạm kỷ luật ở mức độ bị buộc thôi học

Đối với những trường hợp sinh viên bị buộc thôi học, Nhà trường sẽ thông báo về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

4. Nghỉ học tạm thời và cách đăng ký học tiếp sau khi nghỉ học tạm thời: Nghỉ học tạm thời là hình thức tạm ngừng học vì các lý do khác nhau. Thời gian nghỉ học tạm thời được tính vào khung thời gian hoàn thành chương trình khóa học. Sinh viên được quyền gửi đơn xin nghỉ học tạm thời (để được bảo lưu kết quả học tập) các trường hợp sau đây:

a. Nghỉ học tạm thời do được điều động vào lực lượng vũ trang: trường hợp này, sinh viên phải nộp Quyết định điều động vào lực lượng vũ trang tại Phòng Công tác Chính trị-HSSV để được cấp Quyết định ngừng học và được bảo lưu điểm hoặc kết quả trúng tuyển nếu là đầu khóa học.

b. Nghỉ học tạm thời vì bệnh hoặc tai nạn buộc phải điều trị thời gian dài: Trường hợp này sinh viên phải nộp đơn kèm bệnh án tại Phòng Công tác Chính trị-HSSV để nhận quyết định ngừng học. Bệnh án phải do cơ quan y tế từ cấp quận, huyện trở lên cấp.

c. Nghỉ học tạm thời do các vi phạm: Những trường hợp người học vi phạm kỷ luật của trường hoặc pháp luật nhưng chưa có kết luận của cơ quan có thẩm quyền hoặc đã có kết luận nhưng không nằm trong trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức buộc thôi học.

d. Nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân: Sinh viên nghỉ học tạm thời do nhu cầu cá nhân phải học hoàn tất ít nhất một học kỳ và điểm trung bình chung các học kỳ (tính

trọn 1, 2, 3... học kỳ) từ đầu khóa học đến thời điểm xem xét phải ≥ 5.0 . Sinh viên nghỉ học tạm thời vì lý do cá nhân nộp đơn (theo mẫu) tại Phòng Công tác Chính trị-HSSV để được hướng dẫn thủ tục nhận quyết định ngừng học.

e. Đăng ký học tiếp sau khi nghỉ học tạm thời: Sau thời gian nghỉ học tạm thời, sinh viên phải đăng ký học tiếp (tại Phòng Công tác Chính trị-HSSV) và nộp Quyết định ngừng học (đã được cấp) để nhận Quyết định vào học chậm nhất 01 tháng trước ngày học lại cùng khóa sau (đầu học kỳ).

Chương III. KIỂM TRA VÀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Điều 4. Điểm tổng kết học phần

Điểm đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần - ĐHP) được quy định cụ thể trong chương trình chi tiết của môn học. Điểm học phần bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ trong quá trình học tập, điểm chuyên cần, điểm thi kết thúc học phần. Tùy theo tính chất của môn học, điểm học phần được tính như sau:

1. Điểm học phần lý thuyết

a. Điểm học phần lý thuyết được tính như sau:

$$DHP = \frac{DHT + ĐTHP}{2}$$

Trong đó:

* ĐHP: điểm học phần, làm tròn đến 01 chữ số thập phân.

* ĐTHP: điểm thi kết thúc học phần, làm tròn đến 01 chữ số thập phân.

* DHT: điểm học tập, làm tròn đến 01 chữ số thập phân.

$$DHT = \frac{4(ĐTBKT) + ĐCC}{5}$$

Trong đó:

* ĐTBKT: điểm trung bình kiểm tra là trung bình cộng, có tính đến hệ số của các loại điểm sau:

+ Điểm thảo luận, bài tập nhóm (nếu có), bài tập lớn... được quy định theo đặc thù của từng học phần. Hệ số của các loại điểm này được ghi cụ thể trong chương trình chi tiết.

+ Điểm kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): gồm điểm kiểm tra đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra thực hành, kiểm tra viết thời lượng < 45 phút. Mỗi học phần phải có ít nhất 01 điểm kiểm tra thường xuyên.

+ Điểm kiểm tra định kỳ (hệ số 2): gồm điểm kiểm tra hết chương hay phần chính của học phần hoặc các bài thực hành kỹ năng có tính tổng hợp. Thời gian kiểm tra ≥ 45

phút, đối với bài lý thuyết và ≥ 1 giờ đối với bài thực hành. Số lần kiểm tra định kỳ của học phần được quy định như sau:

- Có ít nhất 01 điểm tra định kỳ đối với học phần có ≤ 2 ĐVHT
- Có ít nhất 02 điểm kiểm tra định kỳ đối với học phần có từ 3 đến 4 ĐVHT
- Có ít nhất 03 điểm kiểm tra định kỳ đối với học phần có ≥ 5 ĐVHT

* *DCC*: điểm chuyên cần chiếm 10% trọng số ĐHP. Giảng viên bộ môn đánh giá *DCC* căn cứ kỷ luật dự lớp và tinh thần, thái độ, phương pháp học tập của sinh viên trong suốt học phần. Điểm chuyên cần được đánh giá theo quy định sau:

Điểm chuyên cần	Cơ sở đánh giá điểm chuyên cần (<i>Hình thức điểm danh: do GVBM quy định tại tiết học đầu tiên của Học phần, nhưng số tiết điểm danh phải $\geq 20\%$ số tiết của học phần</i>)
10	. Số tiết nghỉ học không phép = 0 . Số lần trễ học = 0 . Tinh thần, thái độ học tốt, năng động.
9	. Số tiết nghỉ học không phép = 0 . Có trễ học 1, 2 lần có lý do chính đáng. . Tinh thần, thái độ học tập tốt.
8	. Học phần (HP) có số ĐVHT ≤ 3 : Số tiết nghỉ học ≤ 3 . Học phần (HP) có số ĐVHT ≥ 4 : Số tiết nghỉ học ≤ 4 . Có trễ học 1, 2 lần có lý do chính đáng. . Tinh thần, thái độ học tập khá.
7	. Học phần (HP) có số ĐVHT ≤ 3 : Số tiết nghỉ học ≤ 3 . Học phần (HP) có số ĐVHT ≥ 4 : Số tiết nghỉ học ≤ 4 . Số lần trễ học có thể nhiều hơn 1, 2 lần và đều có lý do chính đáng . Tinh thần, thái độ học tập khá.
6	. Học phần (HP) có số ĐVHT ≤ 3 : Số tiết nghỉ học ≤ 3 . Học phần (HP) có số ĐVHT ≥ 4 : Số tiết nghỉ học ≤ 4 . Số lần trễ học có thể nhiều hơn 1, 2 lần và đều có lý do chính đáng . Tinh thần, thái độ học tập trung bình
5	. Học phần (HP) có số ĐVHT ≤ 3 : Số tiết nghỉ học ≤ 6 . Học phần (HP) có số ĐVHT ≥ 4 : Số tiết nghỉ học ≤ 8 . Số lần trễ học có thể nhiều hơn 1, 2 lần và đều có lý do chính đáng . Tinh thần, thái độ học tập trung bình
4, 3, 2, 1	. Số tiết nghỉ học $\leq 20\%$ số tiết học phần . Điểm đạt được phụ thuộc số lần trễ học và thái độ học tập trong lớp
<i>DCC</i> = 0	. Số tiết nghỉ học $> 20\%$ số tiết học phần

b. Điểm học phần lý thuyết trực tuyến: là học phần có thời lượng học tập trực tuyến $\geq 70\%$ tổng thời lượng học phần.

Điểm học phần lý thuyết được tính như sau:

$$ĐHP = \frac{6ĐHT + 4ĐTHP}{10}$$

Trong đó:

* ĐHP: điểm học phần, làm tròn đến 01 chữ số thập phân.

* ĐTHP: điểm thi kết thúc học phần, làm tròn đến 01 chữ số thập phân, chiếm 40% trọng số ĐHP

* ĐHT: điểm học tập, làm tròn đến 01 chữ số thập phân.

$$ĐHT = \frac{5(ĐTBKT) + ĐCC}{6}$$

* ĐTBKT: điểm trung bình kiểm tra, chiếm 50% trọng số ĐHP

* ĐCC: điểm chuyên cần, chiếm 10% trọng số ĐHP

2. Điểm học phần thực hành

a. Điểm học phần thực hành (ĐHPTH)

Điểm học phần thực hành là trung bình cộng có tính đến hệ số điểm các bài thực hành, trong đó điểm bài thực hành tổng hợp (vào cuối học phần thực hành) có hệ số 3. Hệ số điểm các bài thực hành được qui định trong chương trình chi tiết học phần. Điểm học phần thực hành được làm tròn đến 01 chữ số thập phân.

b. Thành phần điểm bài thực hành

Điểm của các bài thực hành là tổng của điểm kỹ thuật và điểm thành phần. Điểm kỹ thuật và điểm thành phần được tính căn cứ vào bảng phân điểm của từng bài tập, theo quy định sau:

- | | |
|--|--------------------------------|
| (1). Điểm kỹ thuật: | 6 điểm |
| (2). Điểm thành phần: | 4 điểm, <i>bao gồm:</i> |
| - Thao tác: | 1 điểm |
| - An toàn: | 1 điểm |
| - Sắp xếp nơi làm việc (5S: sàng lọc, sắp xếp, sạch sẽ, sẵn sàng, sẵn sàng): | 1 điểm |
| - Thời gian: | 1 điểm |
| (3). Tổng cộng: | 10 điểm |

Lưu ý:

* Khi điểm kỹ thuật (1) < 3, điểm thành phần (2) không được tính vào kết quả bài làm, do đó, điểm tổng cộng (3) = điểm kỹ thuật (1) (tham khảo văn bản Quy định cách đánh giá điểm kiểm tra, thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp để biết thêm những trường hợp khác)

* Sinh viên có ĐHPTH (kể cả học phần Giáo dục thể chất) < 5.0 phải học trả nợ theo hình thức học ghép cùng khóa sau. Đối với học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh, sinh viên học và thi theo quy định của cơ sở giảng dạy Giáo dục Quốc phòng - An ninh.

3. Điểm tổng kết học phần có cả lý thuyết và thực hành: Là điểm tổng hợp của điểm phần lý thuyết và phần thực hành. Việc lựa chọn hình thức và trọng số đánh giá từng phần, cách tính điểm tổng hợp của học phần được quy định trong đề cương chi tiết học phần do Bộ môn thiết kế và được Hiệu trưởng phê duyệt.

4. Điểm tổng kết học phần dạng mô đun (module):

$$ĐHP = \frac{ĐLT + ĐTH}{2}$$

Trong đó:

- ĐHP: điểm học phần, làm tròn đến 01 chữ số thập phân.
- ĐTH: điểm phần thực hành theo cách tính điểm học phần thực hành, làm tròn đến 01 chữ số thập phân.
- ĐLT: điểm phần lý thuyết, làm tròn đến 01 chữ số thập phân.

Lưu ý:

a. Nếu ĐLT hoặc ĐTH < 5.0 thì ĐHP thực hành chỉ được tính lấy tối đa = 4.9

b. Sinh viên phải học lại cả phần lý thuyết và phần thực hành nếu ĐHP < 5.0

5. Công nhận và chuyển điểm học phần

Nhà trường công nhận điểm học phần sinh viên đã tích lũy được từ một chương trình đào tạo đã học trước đây và cho phép chuyển điểm này sang một học phần trong chương trình sẽ học tại trường. Để được xét duyệt các học phần được chuyển điểm, sinh viên phải có đơn xin chuyển điểm theo mẫu quy định. Phòng Đào tạo căn cứ Quy định về việc công nhận và chuyển điểm học phần để xét duyệt các học phần sinh viên đăng ký chuyển điểm.

Điều 5. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần, số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Cuối mỗi học kỳ, nhà trường tổ chức 2 lần thi để lấy điểm tổng kết các học phần lý thuyết. Những sinh viên đủ điều kiện dự thi nhưng không dự thi lần 1, hoặc có ĐHP < 5 ở lần thi thứ nhất được dự thi lần thứ 2. Kỳ thi lần 2 được tổ chức sớm nhất là 1 tuần kể từ kỳ thi lần 1. Sinh viên thi lần hai phải nộp lệ phí theo quy định. Riêng hình thức Học kỳ phụ học trong hè, học T7-CN (học thứ 7 và chủ nhật), sinh viên chỉ được thi kết

thức học phần 1 lần. Bất kỳ học theo hình thức nào, sinh viên nghỉ học quá 20% thời lượng học phần sẽ không được dự thi.

2. Sinh viên có ĐHP < 5.0 phải chủ động đăng ký học trả nợ (theo hình thức học ghép hoặc học kỳ phụ) theo quy định. Nhà trường chưa tổ chức hình thức học, thi cải thiện điểm cho những trường hợp sinh viên đã có điểm ĐHP đạt yêu cầu.

3. Sinh viên vắng mặt không có lý do trong kỳ thi kết thúc học phần thì phải nhận điểm 0 ở kỳ thi lần 1, và được đăng ký thi lần 2.

4. Sinh viên vắng mặt kỳ thi chính có lý do chính đáng (phải có đơn xin phép trước kỳ thi, được đơn vị có thẩm quyền chấp thuận) được dự thi ở kỳ thi lần sau, và được tính là thi lần đầu.

Điều 6. Hình thức thi, chấm thi

1. Đối với học phần lý thuyết, hình thức thi: thi viết

a. Thi tự luận: thời gian thi từ 90 đến 120 phút.

b. Thi trắc nghiệm: thời gian thi từ 60 đến 75 phút.

c. Thi tự luận kết hợp trắc nghiệm: thời gian thi từ 75 đến 120 phút.

2. Đối với học phần thực hành, mô đun: thực hiện theo khoản 2, 4 Điều 4.

3. Các hình thức thi khác (nếu có), Bộ môn trình Hiệu trưởng duyệt.

Điều 7. Cách tính điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm xếp loại kết quả học tập

1. Điểm trung bình chung học tập của học kỳ, năm học, khóa học được tính theo công thức sau:

a. Công thức (1.a):

$$A = \frac{\sum_{i=1}^N a_i n_i}{\sum_{i=1}^N n_i}$$

Trong đó:

A: điểm trung bình chung học tập được làm tròn đến 02 chữ số thập phân.

a_i : điểm thi kết thúc của học phần thứ i

n_i : số đơn vị học trình của học phần thứ i

N: tổng số học phần

b. Kết quả thi các học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh và Giáo dục thể chất không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học hay khóa học. Kết quả các học

phần này là một trong các điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét công nhận tốt nghiệp theo quy định tại khoản 4, Điều 11.

c. Điểm trung bình chung học kỳ, năm học và khóa học được tính theo các ĐHP cao nhất (sau các lần thi, và thi lại).

2. Xếp loại tốt nghiệp khóa 2016 trở về trước

a. Xếp loại tốt nghiệp cao đẳng: Đối với trình độ cao đẳng, điểm xếp loại tốt nghiệp được tính theo công thức trên (1.a), trong đó điểm môn thi tốt nghiệp được tính như điểm tổng kết một học phần của khóa học, có tính đến hệ số.

b. Xếp loại tốt nghiệp trình độ cao đẳng nghề: Điểm xếp loại tốt nghiệp là trung bình cộng của điểm trung bình chung toàn khóa (ĐTBCTK) và điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp (ĐTBTN) làm tròn đến 02 chữ số thập phân.

$$ĐXLTN = \frac{ĐTBCTK + ĐTBTN}{2}$$

Trong đó:

- *ĐTBCTK*: điểm trung bình chung toàn khóa học (tính theo công thức 1.a)
- *ĐTBTN*: điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp làm tròn đến 02 chữ số thập phân, tính theo công thức sau:

$$ĐTBTN = \frac{\sum_{i=1}^N b_i n_i}{\sum_{i=1}^N n_i}$$

Trong đó:

- b_i : điểm thi môn tốt nghiệp thứ i
- n_i : hệ số môn thi tốt nghiệp thứ i
- N : tổng số môn thi tốt nghiệp

3. Điểm xếp loại tốt nghiệp: Từ khóa 2017 kết quả xếp loại tốt nghiệp trình độ cao đẳng được tính theo công thức sau:

$$ĐXLTN = \frac{\sum_{i=1}^N c_i n_i}{\sum_{i=1}^N n_i}$$

Trong đó:

- *ĐXLTN*: điểm xếp loại tốt nghiệp
- c_i : điểm thành phần tính *ĐXLTN* thứ i , trong đó:

- c_1 : điểm trung bình chung của khóa học, tính theo công thức 1.a (Điều 7, mục 1), hệ số 3.
- c_2 : điểm đồ án tốt nghiệp (ĐATN), hệ số 2.
- c_3 : điểm môn thi tốt nghiệp thực hành, hệ số 2.
- c_4 : điểm môn thi tốt nghiệp lý thuyết, hệ số 1.
- n_i : hệ số của điểm thành phần tính ĐXLTN thứ i
- N : tổng số điểm thành phần tính ĐXLTN

4. Xếp loại học lực học kỳ, năm học, khóa học, tốt nghiệp như sau:

Điểm xếp loại tốt nghiệp (ĐXLTN)	Xếp loại tốt nghiệp	
	Khóa 2021 trở về trước	Từ khóa 2022
Từ 9 đến 10	Xuất sắc	Xuất sắc
Từ 8 đến cận 9	Giỏi	Giỏi
Từ 7 đến cận 8	Khá	Khá
Từ 6 đến cận 7	Trung bình khá	Trung bình
Từ 5 đến cận 6	Trung bình	
Dưới 5	Kém (chỉ dành để xếp loại học kỳ, năm học)	

5. Giảm trừ xếp loại tốt nghiệp:

Sinh viên xếp loại tốt nghiệp từ loại khá trở lên (từ khóa 2021 trở về trước) và sinh viên xếp loại tốt nghiệp từ loại giỏi trở lên (từ khóa 2022) sẽ bị giảm đi một mức nếu ở một trong các trường hợp sau:

a. Có tổng số ĐVHT của các học phần phải thi lần 2 >10% tổng số đơn vị học trình của chương trình học.

b. Đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức cảnh cáo trở lên.

6. Những sinh viên phải thi lại môn thi tốt nghiệp được xếp loại như sau:

- Nếu có 01 môn thi tốt nghiệp phải thi lại thì xếp loại tốt nghiệp cao nhất là loại khá.

- Nếu số môn thi tốt nghiệp phải thi lại ≥ 2 thì xếp loại tốt nghiệp cao nhất là trung bình khá. Từ khóa 2022 thì xếp loại tốt nghiệp cao nhất là trung bình.

Chương IV. THI TỐT NGHIỆP VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 8. Các hình thức thi tốt nghiệp

Môn thi tốt nghiệp có thể được tổ chức theo hình thức môn thi lý thuyết (trắc nghiệm hoặc tự luận), môn thi thực hành, đồ án tốt nghiệp, khóa luận, hoặc kết hợp giữa các hình thức nói trên.

Điều 9. Các môn thi tốt nghiệp (từ khóa 2022)

1. Đối với trình độ Cao đẳng (các ngành đào tạo):

Đồ án tốt nghiệp

Riêng ngành Kế toán doanh nghiệp :

- a. Môn TN lý thuyết nghề
- b. Môn TN thực hành nghề

2. Đối với trình độ Cao đẳng (các nghề đào tạo):

- a. Môn TN lý thuyết nghề
- b. Môn TN thực hành nghề

Điều 10. Chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp và chấm thi tốt nghiệp

1. Hình thức thi, đề thi, thời gian thi, coi thi, chấm thi các môn thi tốt nghiệp do Hiệu trưởng quy định.

2. Bảo vệ đồ án tốt nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp: Sau phần trình bày và trả lời của sinh viên, Hội đồng chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp đánh giá điểm theo phiếu kín. Điểm đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm của từng thành viên hội đồng (có tham khảo điểm đánh giá của Giảng viên hướng dẫn và Giảng viên phản biện), điểm được làm tròn đến 01 chữ số thập phân. Kết quả chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp, thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp theo hình thức vấn đáp được thông báo sau mỗi buổi bảo vệ, mỗi buổi thi. Kết quả thi viết được thông báo chậm nhất là 10 ngày sau khi thi.

3. Thời gian công bố kết quả thi tốt nghiệp và phúc khảo: Hội đồng thi công bố kết quả chậm nhất 2 tuần tính từ ngày thi tốt nghiệp. Sinh viên có quyền làm đơn xin phúc khảo về điểm thi tốt nghiệp, thời gian xin phúc khảo chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi tốt nghiệp. Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức chấm phúc khảo và công bố kết quả.

Điều 11. Hội đồng xét điều kiện dự thi tốt nghiệp; điều kiện dự thi tốt nghiệp; điều kiện công nhận tốt nghiệp

1. Hội đồng xét điều kiện dự thi tốt nghiệp: Hiệu trưởng thành lập hội đồng xét điều kiện dự thi tốt nghiệp, điều kiện công nhận tốt nghiệp. Thành phần, số lượng của hội đồng do Hiệu trưởng quy định, bao gồm các cá nhân, đơn vị sau: Giám hiệu, đại diện các phòng Đào tạo, Công tác Chính trị-HSSV, Khoa, Bộ môn, Giáo viên chủ nhiệm và Cán bộ phụ trách giáo vụ, cán bộ phụ trách sinh viên được phân công quản lý các lớp được xét duyệt.

2. Điều kiện được dự thi tốt nghiệp

a. Có điểm trung bình chung của năm học ≥ 5.0

b. Tổng số ĐVHT của các học phần có điểm tổng kết < 5.0 không quá 20 ĐVHT

c. Không đang trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự ở thời điểm xét điều kiện dự thi tốt nghiệp.

3. Sinh viên trong diện không đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp lưu ý những nội dung sau:

- Những sinh viên không đạt các điều kiện 2.a,b nói trên phải học trả nợ các học phần trong khung thời gian quy định để được xét lại điều kiện dự thi tốt nghiệp lần tiếp theo. Sinh viên phải đăng ký xét lại tại phòng Đào tạo ít nhất 2 tuần trước kỳ xét điều kiện dự thi tốt nghiệp.

- Những sinh viên không được dự thi tốt nghiệp do vi phạm kỷ luật, nếu sau thời gian từ 6 tháng đến 1 năm được chính quyền địa phương hoặc cơ quan xác nhận đã sửa chữa khuyết điểm thì sinh viên đăng ký xét điều kiện dự thi tốt nghiệp chậm nhất 2 tuần trước kỳ xét điều kiện dự thi tốt nghiệp gần nhất. Hết thời gian 1 năm nếu sinh viên vẫn không tiến bộ nhà trường sẽ cho thôi học.

4. Điều kiện xét công nhận tốt nghiệp:

Nhà trường tổ chức xét công nhận tốt nghiệp 2 lần trong năm học. Lần xét thứ nhất sau khi có kết quả thi học kỳ 1 của năm học (ít nhất 06 tuần sau khi kỳ thi kết thúc, thời gian xét sẽ được Phòng Đào tạo thông báo chậm nhất 04 tuần trước khi xét); lần xét thứ hai sau học kỳ 2, được công bố trên lịch đào tạo năm học. Để được công nhận tốt nghiệp sinh viên phải thỏa đồng thời các điều kiện xét như sau:

a. Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian bị truy cứu hình sự hoặc bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

b. Tích lũy đủ số học phần chương trình học, không còn học phần có điểm tổng kết < 5.0 (kể cả các học phần sinh viên tự tích lũy như Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Vẽ điện tử...);

c. Thi đạt yêu cầu (đạt ≥ 5.0) các môn thi/đồ án tốt nghiệp;

d. Đã được cấp các chứng nhận/chứng chỉ sau đây:

- Chứng nhận năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 2/6 (hoặc các chứng chỉ khác tương đương).

- Chứng nhận CAD cơ bản (quy định trong chương trình đào tạo ngành, nghề)

- Chứng nhận Ứng dụng CNTT cơ bản (quy định trong chương trình đào tạo ngành, nghề)

Chứng nhận do nhà trường cấp sẽ được cập nhật vào hệ thống, do vậy sinh viên không phải trình chứng nhận này khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp.

Chứng nhận hoặc chứng chỉ được cấp từ các cơ sở giáo dục khác, sinh viên phải nộp chứng nhận trước thời điểm xét công nhận tốt nghiệp ít nhất 3 tuần. Nhà trường gửi văn bản thẩm định tại nơi cấp (thời gian tối thiểu 2 tuần) và kết quả được cập nhật chậm nhất 1 tuần trước thời điểm xét điều kiện công nhận tốt nghiệp.

5. Thi tốt nghiệp lại và điều kiện xét công nhận tốt nghiệp những lần sau:

a. Thời gian thi lại các môn thi tốt nghiệp do Hiệu trưởng quyết định.

b. Sinh viên đạt các môn thi tốt nghiệp nhưng còn nợ học phần (không đạt mục b, khoản 4, điều 11) phải hoàn tất số học phần nợ trong khung thời gian và đăng ký xét công nhận tốt nghiệp lại tại phòng Đào tạo chậm nhất 2 tuần trước các kỳ xét công nhận tốt nghiệp tiếp theo.

Sinh viên sẽ bị xóa tên nếu không được xét công nhận tốt nghiệp trong khung thời gian quy định.

c. Những sinh viên (trình độ cao đẳng khóa 2016 trở về trước) không đạt mục c tại khoản 4, điều 11 nói trên, trong vòng 3 năm kể từ ngày kết thúc khóa học phải thi trả nợ các môn thi/đề án tốt nghiệp. Quá thời hạn trên nhà trường sẽ cho thôi học.

d. Từ khóa 2017, người học có điểm môn thi/đề án tốt nghiệp < 5.0 được thi lại không quá 3 lần trong khung thời gian cho phép tối đa hoàn thành chương trình khóa học (khoản 1, 2, 3, 4 điều 2) để được xét công nhận tốt nghiệp.

Điều 12. Cấp bằng tốt nghiệp, quản lý và lưu trữ hồ sơ tốt nghiệp

1. Bằng tốt nghiệp được ghi tên ngành, nghề đào tạo, các chuyên ngành, nếu có sẽ được ghi trên bằng điểm khóa học. Bằng chỉ được cấp cho sinh viên sau khi đã ghi đầy đủ, chính xác các nội dung trên bằng theo quy định.

2. Sinh viên được đề nghị cấp thêm bản sao nếu có nhu cầu sử dụng.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bằng điểm theo từng học phần. Trong bằng điểm ghi tên chuyên ngành, hướng chuyên sâu hoặc ngành phụ (nếu có).

4. Những sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của trường.

5. Sinh viên phải tự kiểm tra, ký xác nhận thông tin của bản thân trong danh sách hồ sơ của trường do Phòng Công tác Chính trị-HSSV lập. Những thông tin từ hồ sơ này sẽ

được in trên bằng tốt nghiệp, do vậy sinh viên phải theo dõi và liên hệ Phòng Công tác Chính trị-HSSV để được điều chỉnh trước khi Phòng Đào tạo xét điều kiện công nhận tốt nghiệp.

Trong trường hợp có sai sót về thông tin cá nhân mà bản thân sinh viên không đề nghị chỉnh sửa trong thời gian được thông báo, người học phải sử dụng một quyết định điều chỉnh sai sót kèm theo bằng tốt nghiệp đã được cấp.

Chương V. XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 13. Xử lý sinh viên vi phạm về thi, kiểm tra.

1. Người học thi hộ, nhờ người thi hộ sẽ bị đình chỉ học tập một năm đối với vi phạm lần thứ nhất và bị buộc thôi học đối với vi phạm lần thứ hai; trường hợp tổ chức thi, kiểm tra hộ sẽ bị buộc thôi học đối với vi phạm lần thứ nhất.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, việc xử lý người học vi phạm trong khi dự kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô-đun, thi tốt nghiệp được thực hiện như sau:

a. Khiển trách và trừ 25% điểm bài kiểm tra hoặc bài thi: áp dụng đối với người học phạm lỗi một lần nhìn bài, thảo luận bài với người học khác trong giờ kiểm tra, thi.

b. Cảnh cáo và trừ 50% điểm bài kiểm tra hoặc bài thi: áp dụng đối với người học vi phạm một trong các lỗi sau đây:

- Đã bị khiển trách một lần trong giờ kiểm tra, thi nhưng vẫn tiếp tục vi phạm quy định tại giờ kiểm tra, thi đó

- Trao đổi bài làm hoặc giấy nháp cho người khác

- Chép bài kiểm tra, bài thi của người khác; những bài kiểm tra, bài thi đã có kết luận là giống nhau thì xử lý như nhau, nếu người học bị xử lý có đủ bằng chứng chứng minh mình bị sao chép trước khi nộp bài thi được Hiệu trưởng xem xét giảm từ mức kỷ luật cảnh cáo xuống mức khiển trách, nếu bị sao chép sau khi nộp bài thi không bị xử lý.

c. Đình chỉ làm bài và nhận điểm 0 cho bài kiểm tra, bài thi: áp dụng đối với người học vi phạm một trong các lỗi sau:

- Đã bị cảnh cáo một lần nhưng trong giờ kiểm tra, thi vẫn tiếp tục vi phạm quy định trong giờ kiểm tra, thi đó.

- Mang theo tài liệu hoặc các vật dụng không được phép vào phòng thi.

- Đưa đề kiểm tra, thi ra ngoài phòng thi hoặc nhận bài giải từ ngoài vào phòng thi.

- Có hành động gây gổ, đe dọa người có trách nhiệm trong kỳ thi hay đe dọa người học khác.

- Viết, vẽ bậy lên bài kiểm tra, bài thi.

- Viết bài kiểm tra, bài thi trên giấy không đúng quy định của trường.
- Dùng bài kiểm tra, bài thi của người khác để nộp.
- Có các hành vi nhằm mục đích xin điểm, nâng điểm hoặc làm sai lệch kết quả kiểm tra, thi.

Người học sau khi đã dự kiểm tra, thi nếu có kết luận vi phạm thì bị xử lý kỷ luật như trong khi làm bài kiểm tra, bài thi.

Điều 14. Xử lý sinh viên sử dụng và nộp các giấy chứng nhận, chứng chỉ giả mạo.

Sinh viên sử dụng chứng nhận, chứng chỉ giả sẽ không được xét công nhận tốt nghiệp. Nếu phát hiện sau khi xét công nhận tốt nghiệp thì hủy kết quả xét đối với người vi phạm. Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, Hội đồng kỷ luật sẽ đề xuất hình thức kỷ luật, đồng thời lập hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

HIỆU TRƯỞNG